**Kiểm tra 45’ – Mã đề A**

**Câu 1:** Phản ứng este hóa giữa ancol metylic và axit axetic tạo thành sản phẩm có tên gọi là:

A. Metyl axetat B. Axyl etylat C. Etyl axetat D. Metyl axetic

**Câu 2:** Có thể gọi tên este (C17H33COO)3C3H5 là

A. triolein B. tristearin C. tripanmitin D. stearic

**Câu 3:** Số đồng phân este ứng với công thức phân tử C3H6O2 là

A. 5. B. 4. C. 2. D. 3.

**Câu 4:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng

A Chất béo là Trieste của glixerol với các axit monocacboxylic có mạch cacbon dài không phân nhánh.

B Chất béo chứa chủ yếu các gốc không no của axit thường là chất lỏng ở nhiệt độ phòng.

**C** Phản ứng thủy phân chất béo trong môi trường kiềm là phản ứng thuận nghịch.

D Chất béo chứa chủ yếu các gốc no của axit thường là chất rắn ở nhiệt độ phòng.

**Câu 5:** Etyl fomat không thể cho được phản ứng với chất nào sau đây:

A. Dung dịch NaOH(t0) B. Natri kim loại

C. Dung dịch AgNO3/NH3(t0) D. Dung dịch H2SO4loãng(t0).

**Câu 6:** Tinh bột và xenlulozơ là

A. monosaccarit B. Đisaccarit C. Đồng phân D. Polisaccarit

**Câu 7:** Chất không tham gia phản ứng thủy phân là:

A. saccarozơ B. xenlulozơ C. fructozơ D. tinh bột.

**Câu 8:** Giữa saccarozơ và glucozơ có đặc điểm giống nhau là:

A. đều được lấy từ củ cải đường. B. đều tham gia phản ứng tráng gương.

C.đếu có trong biệt dược”huyết thanh ngọt”. D.đều hòa tan Cu(OH)2 ở t0 thường cho dd xanh lam.

**Câu 9:** Khi thủy phân saccarozơ thì thu được :

A. Glucozơ B. Glucozơ và fructozơ C. Fructozơ D. Rượu etylic

**Câu 10:** Anilin (C6H5NH2) không phản ứng với dung dịch:

A. H2SO4. B. HCl. C. Br2. D. NaOH.

**Câu 11:** Chất nào sau đây thuộc loaị amin bậc một

A. (CH3)3N. B. CH3NHCH3. C. CH3NH2. D. CH3CH2NHCH3.

**Câu 12:** Phát biểu nào sau đây *không* đúng?

A. Metyl-, đimetyl-, trimetyl- và etylamin là những chất khí mùi khai khó chịu, độc.

B. Các amin đồng đẳng của metylamin có độ tan trong nước giảm dần theo chiều tăng của khối lượng phân tử.

C. Anilin có tính bazơ rất yếu nên không làm xanh giấy quỳ tím ẩm.

D. Lực bazơ của các amin luôn lớn hơn lực bazơ của amoniac.

**Câu 13:** Trong các tên gọi dưới đây, tên nào không phù hợp với chất CH3–CH(NH2)–COOH ?

A. Axit 2-aminopropanoic. B. Axit α-aminopropionic. C. Alanin. D. Anilin.

**Câu 14:** Chất tham gia phản ứng trùng ngưng là

A. C2H5OH. B. CH2 = CHCOOH. C. H2NCH2COOH. D. CH3COOH.

**Câu 15:** Chất phản ứng được với các dung dịch: NaOH, HCl là

A. C2H5NH2. B. H2N-CH2-COOH. C. CH3COOH. D. C2H5OH.

**Câu 16:** Để chứng minh aminoaxit là hợp chất lưỡng tính ta có thể dùng phản ứng của chất này lần lượt với

A. dung dịch KOH và dung dịch HCl. B. dung dịch NaOH và CH3OH.

C. dung dịch HCl và dung dịch Na2SO4. D. dung dịch KOH và CuO.

**Câu 17:** Khi thủy phân *tripanmitin* trong môi trường axit, thu được sản phẩm là:

A. C17H35COONa và glixerol. B. C15H31COOH và glixerol.

C. C17H35COOH và glixerol. D. C15H31COONa và glixerol.

**Câu 18:** Khi 8,8g este đơn chức mạch hở X tác dụng 100ml dd KOH 1M (vừa đủ) thu được 4,6g một ancol Y. Tên gọi của X là:

A. etyl fomat B. etyl propionat C. etyl axetat D. propyl axetat

**Câu 19:** Đốt cháy hoàn toàn 3,7 gam một este đơn chức X thu được 3,36 lít CO2 (đktc) và 2,7 gam nước.

Công thức phân tử của X là:

A. C3H6O2. B. C4H8O2. C. C3H6O3. D. C2H4O2.

**Câu 20:** Có bao nhiêu phát biểu không đúng trong các phát biểu dưới đây :

(1). Dung dịchg fructozơ hòa tan được Cu(OH)2 và có thể tham gia phản ứng tráng gương.

(2). Khi thuỷ phân hoàn toàn hỗn hợp gồm tinh bột và saccarozơ trong môi trường axit, chỉ thu được một loại monosaccarit duy nhất.

(3). Sản phẩm thủy phân xenlulozơ (xúc tác H+, t0) có thể tham gia phản ứng tráng gương.

(4). Glucozơ bị khử bởi AgNO3/NH3

(5). Glucozơ và fructozơ đều có phản ứng với H2(Ni,t0) tạo ra sobitol.

(6). Xenlulozơ có công thức là [C6H7O2(OH)3]n , có cấu trúc mạch phân nhánh

A. 4. B. 3. C. 5. D. 2.

**Câu 21:** Tráng bạc hoàn toàn m gam glucozơ thu được 86,4 gam Ag. Nếu lên men hoàn toàn m gam glucozơ rồi cho khí CO2 thu được hấp thụ vào nước vôi trong dư thì lượng kết tủa thu được là

A. 60g. B. 20g. C. 40g. D. 80g.

**Câu 22:** Cho sơ đồ chuyển hoá: Tinh bột → X → Y → CH3COOH. Hai chất X, Y lần lượt là

A. glucozơ và ancol etylic B. glucozơ và andehit axetic.

C. glucozơ và etyl axetat D. ancol etylic và andehit axetic.

**Câu 23:** Có 4 hợp chất: amoniac (X), đimetylamin (Y), phenylamin (Z), metylamin (T). Các hợp chất đó được sắp xếp theo chiều tính bazơ tăng dần là

**A.** Z < X < Y < T. **B.** T < Y < X < Z. C. Z < X < T < Y**.** **D.** X < T < Z < Y.

**Câu 24:** Trung hòa 11,8 gam một amin no, mạch hở, đơn chức X cần 200 ml dung dịch HCl 1M. Số công thức cấu tạo ứng với công thức phân tử của X là

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

**Câu 25:** Cho các nhận xét sau:

(1). Aminoaxit là những hợp chất hữu cơ tạp chức trong phân tử chứa đồng thời nhóm Amino và nhóm Cacboxyl

(2). Ứng với CTPT C4H9O2N có 5 đồng phân α- aminoaxit .

(3).Tất cả các amino axit đều có tính lưỡng tính.

(4). Khác với axít axetic, axít amino axetic có thể tham gia phản ứng với axit HCl và có phản ứng trùng ngưng.

(5). Giống với axít axetic, axít amino axetic có thể tác dụng với bazơ tạo muối và có phản ứng este hóa.

(6).Có thể dùng giấy quỳ tím để phân biệt 3 dung dịch riêng biệt chứa valin, lysin, axit glutamic.

Trong số các nhận xét trên, số nhận xét đúng là:

A.5 B.4 C.3 D.6

**Câu 26:** Cho m gam H2NCH2COOH phản ứng hết với dung dịch KOH, thu được dung dịch chứa 28,25 gam muối. Giá trị của m là

A. 37,50. B. 18,75**.** C. 21,75. D. 28,25.

**Câu 27:** Cho dãy các chất: C6H5OH (phenol), C6H5NH2 (anilin), H2NCH2COOH, CH3CH2COOH, CH3CH2CH2NH2. Số chất trong dãy tác dụng được với dung dịch HCl là:

A. 5. B. 2. C. 3. D. 4.

**Câu 28:** Có 8 chất: phenyl clorua, axetilen, propin, but-2-in, anđehit axetic, glucozơ, saccarozơ, propyl fomat. Trong các chất đó, có mấy chất tác dụng được với dung dịch AgNO3 trong NH3 tạo thành kết tủa?

**A.** 3 chất. **B.** 8 chất **C.** 4 chất. D. 5 chất.

**Câu 29:** Dung dịch X chứa 0,01 mol H2N-CH2COOH; 0,02 mol ClH3N-CH2COOH và 0,03 mol HCOOC6H5. Để tác dụng hết với dung dịch X cần tối đa V ml dung dịch NaOH 0,5M đun nóng thu được dung dịch Y. Giá trị của V là

A. 220. B. 120. C. 180. D. 160.

**Câu 30:** Từ 16,20 tấn xenlulozơ người ta sản xuất được m tấn xenlulozơ trinitrat (biết hiệu suất phản ứng tính theo xenlulozơ là 90%). Giá trị của m là:

A. 26,73. B. 33,00. C. 25,46. D. 29,70.

**Câu 31:** Bảng dưới đây ghi lại hiện tượng khi làm thí nghiệm với các chất sau ở dạng dung dịch : X, Y, Z, T và Q.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | X | Y | Z | T | Q |
| Quì tím | không đổimàu | không đổimàu | không đổi màu | không đổi màu | không đổi màu |
| dd AgNO3/NH3, t0 | không có kết tủa | Ag | không có kết tủa | Ag | Ag |
| Cu(OH)2, lắc nhẹ | Cu(OH)2  không tan | Dung dịch  xanh lam | dung dịch  xanh lam | dung dịch  xanh lam | Cu(OH)2  không tan |
| Nước brom | Br2 mất màu  Có kết tủa trắng | Br2mất màu  không cókết tủa | không mất màu | không mất màu | Br2mất màu  không cókết tủa |

Các chất X, Y, Z, T và Q lần lượt là

A. Anilin, glucozơ, glixerol, anđehit fomic, metanol.

B. Glixerol, glucozơ, etylen glicol, fructozơ, axetanđehit.

C. Phenol, fructozơ, glixerol, fructozơ,, anđehit fomic.

D. Anilin, glucozơ, saccarozơ, fructozơ, anđehit fomic.

**Câu 32:** Một α- amino axit X chỉ chứa 1 nhóm amino và 1 nhóm cacboxyl. Cho 10,68 gam X tác dụng với HCl dư thu được 15,06 gam muối. Tên gọi của X là

A. axit glutamic. B. valin. C. alanin. D. glyxin

**Câu 33:** Hỗn hợp X gồm glyxin, alanin và axit glutamic (trong đó nguyên tố oxi chiếm 41,2% về khối lượng). Cho m gam X tác dụng với dung dịch NaOH dư, thu được 20,532 gam muối. Giá trị của m là

A. 13,8. B. 13,1. C. 2,0. D. 16,0.

**Câu 34:** Hỗn hợp M gồm một anken và hai amin no, đơn chức, mạch hở X và Y là đồng đẳng kế tiếp

(MX < MY). Đốt cháy hoàn toàn một lượng M cần dùng 4,536 lít O2 (đktc) thu được H2O, N2 và 2,24 lít CO2 (đktc). Chất Y là

A. etyl amin. B. butyl amin. C. etyl metyl amin. D. propyl amin.

**Câu 35:** Tiến hành este hóa hỗn hợp axit axetic và etilenglycol (số mol bằng nhau) thì thu được hỗn hợp X gồm 5 chất (trong đó có 2 este E1 và E2, ). Lượng axit và ancol đã phản ứng lần lượt là 70% và 50% so với ban đầu. Tính % về khối lượng của E1 trong hỗn hợp X?

A. 51,656% B. 23,934% C. 28,519% D. 25,574%

**Câu 36:** Đốt cháy hoàn toàn m gam chất béo X chứa tristearin, tripanmitin, axit stearic và axit panmitic. Sau phản ứng thu được 13,44 lít CO2 (đktc) và 10,44 gam nước. Xà phòng hoá m gam X (hiệu suất 90%) thu được m gam glixerol. Giá trị của m là

A. 0,828. B. 2,484. C. 1,656. D. 0,920.

**Câu 37:** Amino axit X có công thức là H2NCxHy(COOH)2. Cho 0,1 mol X vào 0,2 lít dung dịch H2SO4 0,5M, thu được dung dịch Y. Cho Y phản ứng vừa đủ với dung dịch gồm NaOH 1M và KOH 3M, thu được dung dịch chứa 36,7 gam muối. Biết các phản ứng xẩy ra hoàn toàn. Phần trăm khối lượng của nitơ trong X là

A. 9,524% B. 10,687% C. 10,526% D. 11,966%

**Câu 38:** Trieste E mạch hở, tạo bởi glixerol và 3 axit cacboxylic đơn chức X, Y, Z. Đốt cháy hoàn toàn x mol E thu được y mol CO2 và z mol H2O. Biết y = z + 5x và x mol E phản ứng vừa đủ với 72 gam Br2 trong nước, thu được 110,1 gam sản phẩm hữu cơ. Cho x mol E phản ứng với dung dịch KOH dư thu được m gam muối. Giá trị của m là

A. 49,50. B. 48,25. C. 44,8. D. 48,40.

**Câu 39.** Xà phòng hoá hoàn toàn m gam một este no, đơn chức, mạch hở E bằng 26 gam dung dịch MOH 28% (M là kim loại kiềm). Cô cạn hỗn hợp sau phản ứng thu được 24,72 gam chất lỏng X và 10,08 gam chất rắn khan Y. Đốt cháy hoàn toàn Y, thu được sản phẩm gồm CO2, H2O và 8,97 gam muối cacbonat khan. Mặt khác, cho X tác dụng với Na dư, thu được 12,768 lít khí H2 (đktc). Phần trăm khối lượng muối trong Y có giá trị gần nhất với

A. 67,5. B. 85,0. C. 80,0. D. 97,5.

**Câu 40:** X, Y, Z là ba axit cacboxylic đơn chức cùng dãy đồng đẳng (MX < MY < MZ), T là este tạo bởi X, Y, Z với một ancol no, ba chức, mạch hở E. Đốt cháy hoàn toàn 26,6 gam hỗn hợp M gồm X, Y, Z, T (trong đó Y và Z có cùng số mol) bằng lượng vừa đủ khí O2, thu được 22,4 lít CO2 (đktc) và 16,2 gam H2O. Mặt khác, đun nóng 26,6 gam M với lượng dư dung dịch AgNO3/NH3. Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được 21,6 gam Ag. Mặt khác, cho 13,3 gam M phản ứng hết với 400 ml dung dịch NaOH 1M và đun nóng, thu được dịch N. Cô cạn dung dịch N thu được m gam chất rắn khan. Giá trị của **m gần nhất** với

**A.** 38,04. B. 24,74. **C.** 16,74 . **D.** 25,10.

---HẾT---

**Kiểm tra 45’ – Mã đề B**

**Câu 1:** Khi thủy phân saccarozơ thì thu được :

A. Glucozơ B. Glucozơ và fructozơ C. Fructozơ D. Rượu etylic

**Câu 2:** Anilin (C6H5NH2) không phản ứng với dung dịch:

A. H2SO4. B. HCl. C. Br2. D. NaOH.

**Câu 3:** Chất không tham gia phản ứng thủy phân là:

A. saccarozơ B. xenlulozơ C. fructozơ D. tinh bột.

**Câu 4:** Chất phản ứng được với các dung dịch: NaOH, HCl là

A. C2H5NH2. B. H2N-CH2-COOH. C. CH3COOH. D. C2H5OH.

**Câu 5:** Có thể gọi tên este (C17H33COO)3C3H5 là

A. triolein B. tristearin C. tripanmitin D. stearic

**Câu 6:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng

A Chất béo là Trieste của glixerol với các axit monocacboxylic có mạch cacbon dài không phân nhánh.

B Chất béo chứa chủ yếu các gốc không no của axit thường là chất lỏng ở nhiệt độ phòng.

**C** Phản ứng thủy phân chất béo trong môi trường kiềm là phản ứng thuận nghịch.

D Chất béo chứa chủ yếu các gốc no của axit thường là chất rắn ở nhiệt độ phòng.

**Câu 7:** Phản ứng este hóa giữa ancol metylic và axit axetic tạo thành sản phẩm có tên gọi là:

A. Metyl axetat B. Axyl etylat C. Etyl axetat D. Metyl axetic

**Câu 8:** Etyl fomat không thể cho được phản ứng với chất nào sau đây:

A. Dung dịch NaOH(t0) B. Natri kim loại

C. Dung dịch AgNO3/NH3(t0) D. Dung dịch H2SO4loãng(t0).

**Câu 9:** Tinh bột và xenlulozơ là

A. monosaccarit B. Đisaccarit C. Đồng phân D. Polisaccarit

**Câu 10:** Trong các tên gọi dưới đây, tên nào không phù hợp với chất CH3–CH(NH2)–COOH ?

A. Axit 2-aminopropanoic. B. Axit α-aminopropionic. C. Alanin. D. Anilin.

**Câu 11:** Chất tham gia phản ứng trùng ngưng là

A. C2H5OH. B. CH2 = CHCOOH. C. H2NCH2COOH. D. CH3COOH.

**Câu 12:** Để chứng minh aminoaxit là hợp chất lưỡng tính ta có thể dùng phản ứng của chất này lần lượt với

A. dung dịch KOH và dung dịch HCl. B. dung dịch NaOH và CH3OH.

C. dung dịch HCl và dung dịch Na2SO4. D. dung dịch KOH và CuO.

**Câu 13:** Số đồng phân este ứng với công thức phân tử C3H6O2 là

A. 5. B. 4. C. 2. D. 3.

**Câu 14:** Giữa saccarozơ và glucozơ có đặc điểm giống nhau là:

A. đều được lấy từ củ cải đường. B. đều tham gia phản ứng tráng gương.

C.đếu có trong biệt dược”huyết thanh ngọt”. D.đều hòa tan Cu(OH)2 ở t0 thường cho dd xanh lam.

**Câu 15:** Chất nào sau đây thuộc loaị amin bậc một

A. (CH3)3N. B. CH3NHCH3. C. CH3NH2. D. CH3CH2NHCH3.

**Câu 16:** Phát biểu nào sau đây *không* đúng?

A. Metyl-, đimetyl-, trimetyl- và etylamin là những chất khí mùi khai khó chịu, độc.

B. Các amin đồng đẳng của metylamin có độ tan trong nước giảm dần theo chiều tăng của khối lượng phân tử.

C. Anilin có tính bazơ rất yếu nên không làm xanh giấy quỳ tím ẩm.

D. Lực bazơ của các amin luôn lớn hơn lực bazơ của amoniac.

**Câu 17:** Đốt cháy hoàn toàn 3,7 gam một este đơn chức X thu được 3,36 lít CO2 (đktc) và 2,7 gam nước. Công thức phân tử của X là:

A. C3H6O2. B. C4H8O2. C. C3H6O3. D. C2H4O2.

**Câu 18:** Khi 8,8g este đơn chức mạch hở X tác dụng 100ml dd KOH 1M (vừa đủ) thu được 4,6g một ancol Y. Tên gọi của X là:

A. etyl fomat B. etyl propionat C. etyl axetat D. propyl axetat

**Câu 19:** Cho dãy các chất: C6H5OH (phenol), C6H5NH2 (anilin), H2NCH2COOH, CH3CH2COOH, CH3CH2CH2NH2. Số chất trong dãy tác dụng được với dung dịch HCl là:

A. 5. B. 2. C. 3. D. 4.

**Câu 20:** Có 4 hợp chất: amoniac (X), đimetylamin (Y), phenylamin (Z), metylamin (T). Các hợp chất đó được sắp xếp theo chiều tính bazơ tăng dần là

**A.** Z < X < Y < T. **B.** T < Y < X < Z. C. Z < X < T < Y**.** **D.** X < T < Z < Y.

**Câu 21:** Khi thủy phân *tripanmitin* trong môi trường axit, thu được sản phẩm là:

A. C17H35COONa và glixerol. B. C15H31COOH và glixerol.

C. C17H35COOH và glixerol. D. C15H31COONa và glixerol.

**Câu 22:** Có bao nhiêu phát biểu không đúng trong các phát biểu dưới đây :

(1). Dung dịchg fructozơ hòa tan được Cu(OH)2 và có thể tham gia phản ứng tráng gương.

(2). Khi thuỷ phân hoàn toàn hỗn hợp gồm tinh bột và saccarozơ trong môi trường axit, chỉ thu được một loại monosaccarit duy nhất.

(3). Sản phẩm thủy phân xenlulozơ (xúc tác H+, t0) có thể tham gia phản ứng tráng gương.

(4). Glucozơ bị khử bởi AgNO3/NH3

(5). Glucozơ và fructozơ đều có phản ứng với H2(Ni,t0) tạo ra sobitol.

(6). Xenlulozơ có công thức là [C6H7O2(OH)3]n , có cấu trúc mạch phân nhánh

A. 4. B. 3. C. 5. D. 2.

**Câu 23:** Tráng bạc hoàn toàn m gam glucozơ thu được 86,4 gam Ag. Nếu lên men hoàn toàn m gam glucozơ rồi cho khí CO2 thu được hấp thụ vào nước vôi trong dư thì lượng kết tủa thu được là

A. 60g. B. 20g. C. 40g. D. 80g.

**Câu 24:** Cho m gam H2NCH2COOH phản ứng hết với dung dịch KOH, thu được dung dịch chứa 28,25 gam muối. Giá trị của m là

A. 37,50. B. 18,75**.** C. 21,75. D. 28,25.

**Câu 25:** Cho sơ đồ chuyển hoá: Tinh bột → X → Y → CH3COOH. Hai chất X, Y lần lượt là

A. glucozơ và ancol etylic B. glucozơ và andehit axetic.

C. glucozơ và etyl axetat D. ancol etylic và andehit axetic.

**Câu 26:** Trung hòa 11,8 gam một amin no, mạch hở, đơn chức X cần 200 ml dung dịch HCl 1M. Số công thức cấu tạo ứng với công thức phân tử của X là

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

**Câu 27:** Cho các nhận xét sau:

(1). Aminoaxit là những hợp chất hữu cơ tạp chức trong phân tử chứa đồng thời nhóm Amino và nhóm Cacboxyl

(2). Ứng với CTPT C4H9O2N có 5 đồng phân α- aminoaxit .

(3).Tất cả các amino axit đều có tính lưỡng tính.

(4). Khác với axít axetic, axít amino axetic có thể tham gia phản ứng với axit HCl và có phản ứng trùng ngưng.

(5). Giống với axít axetic, axít amino axetic có thể tác dụng với bazơ tạo muối và có phản ứng este hóa.

(6).Có thể dùng giấy quỳ tím để phân biệt 3 dung dịch riêng biệt chứa valin, lysin, axit glutamic.

Trong số các nhận xét trên, số nhận xét đúng là:

A.5 B.4 C.3 D.6

**Câu 28:** Có 8 chất: phenyl clorua, axetilen, propin, but-2-in, anđehit axetic, glucozơ, saccarozơ, propyl fomat. Trong các chất đó, có mấy chất tác dụng được với dung dịch AgNO3 trong NH3 tạo thành kết tủa?

**A.** 3 chất. **B.** 8 chất **C.** 4 chất. D. 5 chất.

**Câu 29:** Một α- amino axit X chỉ chứa 1 nhóm amino và 1 nhóm cacboxyl. Cho 10,68 gam X tác dụng với HCl dư thu được 15,06 gam muối. Tên gọi của X là

A. axit glutamic. B. valin. C. alanin. D. glyxin

**Câu 30:** Đốt cháy hoàn toàn m gam chất béo X chứa tristearin, tripanmitin, axit stearic và axit panmitic. Sau phản ứng thu được 13,44 lít CO2 (đktc) và 10,44 gam nước. Xà phòng hoá m gam X (hiệu suất 90%) thu được m gam glixerol. Giá trị của m là

A. 0,828. B. 2,484. C. 1,656. D. 0,920.

**Câu 31:** Hỗn hợp M gồm một anken và hai amin no, đơn chức, mạch hở X và Y là đồng đẳng kế tiếp (MX < MY). Đốt cháy hoàn toàn một lượng M cần dùng 4,536 lít O2 (đktc) thu được H2O, N2 và 2,24 lít CO2 (đktc). Chất Y là

A. etyl amin. B. butyl amin. C. etyl metyl amin. D. propyl amin.

**Câu 32:** Từ 16,20 tấn xenlulozơ người ta sản xuất được m tấn xenlulozơ trinitrat (biết hiệu suất phản ứng tính theo xenlulozơ là 90%). Giá trị của m là:

A. 26,73. B. 33,00. C. 25,46. D. 29,70.

**Câu 33:** Bảng dưới đây ghi lại hiện tượng khi làm thí nghiệm với các chất sau ở dạng dung dịch : X, Y, Z, T và Q.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | X | Y | Z | T | Q |
| Quì tím | không đổimàu | không đổimàu | không đổi màu | không đổi màu | không đổi màu |
| dd AgNO3/NH3, t0 | không có kết tủa | Ag | không có kết tủa | Ag | Ag |
| Cu(OH)2, lắc nhẹ | Cu(OH)2  không tan | Dung dịch  xanh lam | dung dịch  xanh lam | dung dịch  xanh lam | Cu(OH)2  không tan |
| Nước brom | Br2 mất màu  Có kết tủa trắng | Br2mất màu  không cókết tủa | không mất màu | không mất màu | Br2mất màu  không cókết tủa |

Các chất X, Y, Z, T và Q lần lượt là

A. Anilin, glucozơ, glixerol, anđehit fomic, metanol.

B. Glixerol, glucozơ, etylen glicol, fructozơ, axetanđehit.

C. Phenol, fructozơ, glixerol, fructozơ,, anđehit fomic.

D. Anilin, glucozơ, saccarozơ, fructozơ, anđehit fomic.

**Câu 34:** Tiến hành este hóa hỗn hợp axit axetic và etilenglycol (số mol bằng nhau) thì thu được hỗn hợp X gồm 5 chất (trong đó có 2 este E1 và E2, ). Lượng axit và ancol đã phản ứng lần lượt là 70% và 50% so với ban đầu. Tính % về khối lượng của E1 trong hỗn hợp X?

A. 51,656% B. 23,934% C. 28,519% D. 25,574%

**Câu 35:** Hỗn hợp X gồm glyxin, alanin và axit glutamic (trong đó nguyên tố oxi chiếm 41,2% về khối lượng). Cho m gam X tác dụng với dung dịch NaOH dư, thu được 20,532 gam muối. Giá trị của m là

A. 13,8. B. 13,1. C. 2,0. D. 16,0.

**Câu 36:** Dung dịch X chứa 0,01 mol H2N-CH2COOH; 0,02 mol ClH3N-CH2COOH và 0,03 mol HCOOC6H5. Để tác dụng hết với dung dịch X cần tối đa V ml dung dịch NaOH 0,5M đun nóng thu được dung dịch Y. Giá trị của V là

A. 220. B. 120. C. 180. D. 160.

**Câu 37:** X, Y, Z là ba axit cacboxylic đơn chức cùng dãy đồng đẳng (MX < MY < MZ), T là este tạo bởi X, Y, Z với một ancol no, ba chức, mạch hở E. Đốt cháy hoàn toàn 26,6 gam hỗn hợp M gồm X, Y, Z, T (trong đó Y và Z có cùng số mol) bằng lượng vừa đủ khí O2, thu được 22,4 lít CO2 (đktc) và 16,2 gam H2O. Mặt khác, đun nóng 26,6 gam M với lượng dư dung dịch AgNO3/NH3. Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được 21,6 gam Ag. Mặt khác, cho 13,3 gam M phản ứng hết với 400 ml dung dịch NaOH 1M và đun nóng, thu được dịch N. Cô cạn dung dịch N thu được m gam chất rắn khan. Giá trị của **m gần nhất** với

**A.** 38,04. B. 24,74. **C.** 16,74 . **D.** 25,10.

**Câu 38:** Trieste E mạch hở, tạo bởi glixerol và 3 axit cacboxylic đơn chức X, Y, Z. Đốt cháy hoàn toàn x mol E thu được y mol CO2 và z mol H2O. Biết y = z + 5x và x mol E phản ứng vừa đủ với 72 gam Br2 trong nước, thu được 110,1 gam sản phẩm hữu cơ. Cho x mol E phản ứng với dung dịch KOH dư thu được m gam muối. Giá trị của m là

A. 49,50. B. 48,25. C. 44,8. D. 48,40.

**Câu 39:** Amino axit X có công thức là H2NCxHy(COOH)2. Cho 0,1 mol X vào 0,2 lít dung dịch H2SO4 0,5M, thu được dung dịch Y. Cho Y phản ứng vừa đủ với dung dịch gồm NaOH 1M và KOH 3M, thu được dung dịch chứa 36,7 gam muối. Biết các phản ứng xẩy ra hoàn toàn. Phần trăm khối lượng của nitơ trong X là

A. 9,524% B. 10,687% C. 10,526% D. 11,966%

**Câu 40.** Xà phòng hoá hoàn toàn m gam một este no, đơn chức, mạch hở E bằng 26 gam dung dịch MOH 28% (M là kim loại kiềm). Cô cạn hỗn hợp sau phản ứng thu được 24,72 gam chất lỏng X và 10,08 gam chất rắn khan Y. Đốt cháy hoàn toàn Y, thu được sản phẩm gồm CO2, H2O và 8,97 gam muối cacbonat khan. Mặt khác, cho X tác dụng với Na dư, thu được 12,768 lít khí H2 (đktc). Phần trăm khối lượng muối trong Y có giá trị gần nhất với

A. 67,5. B. 85,0. C. 80,0. D. 97,5.

---HẾT---